

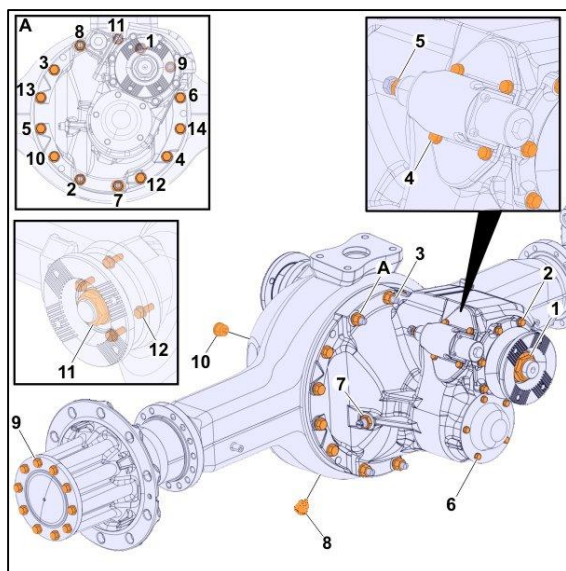
**Cầu sau, thông số kỹ thuật****Cầu sau, mô tả biến thể**

Ký tự đầu tiên	R	Cầu sau
Ký tự thứ hai	S hoặc T	S=Solo (đơn) hoặc T=Tandem (đôi song song)
Ký tự thứ ba	S hoặc H	S= Giảm tốc đơn hoặc H=Giảm tốc trung tâm
Ký tự thứ tư và năm	Tải trọng cầu	Tấn [t]
Ký tự thứ sáu và bảy	GCW (Tổng trọng lượng kết hợp)	Tấn [t]
Ký tự thứ tám	Phiên bản	A, B, C, D, E v.v...

RTS2670B là trục sau giảm tốc đơn song song có tải trọng trục là 26 tấn và GCW là 70 tấn.

Cầu sau đầu tiên**Thông số kỹ thuật**

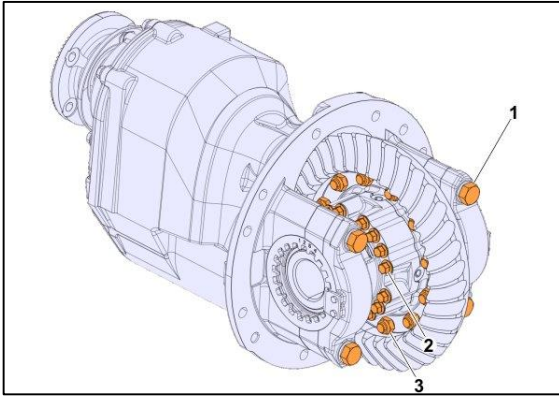
Trục vào, khe hở dọc trục	0.05 – 0.20 mm
Vòng bi cùi thorn mớ, tải trước	3.5 – 6.5 Nm
Vòng bi cùi thorn sử dụng lại, tải trước	0.565 – 1.7 Nm
Khe hở giữa ống lót vòng bi và phốt	0.38 – 0.76 mm Lưu ý: khoảng cách giữa khe hở nhỏ nhất và lớn nhất không được vượt quá 0,254 mm.
Bánh răng vi sai, lực cản quay	68 Nm Lưu ý: Nếu mô-men xoắn lớn hơn 68 Nm, hãy kiểm tra và thay thế vỏ vi sai, chữ thập, bánh răng vi sai và vòng đệm dây nếu cần. Tham khảo hướng dẫn sửa chữa để biết thêm thông tin.
Bánh răng vành chậu, độ đảo	≤0.20 mm
Vi sai, bánh răng vành chậu, khe hở	0.20 – 0.46 mm
Khe hở giữa bánh răng vành chậu và vít chặn	0.8 – 1.2 mm
Vòng bi vi sai, tải trước	1.7 – 4.0 Nm
Trục ra, khe hở dọc trục	0.025 – 0.1 mm

Lực siết**Vỏ cầu sau**

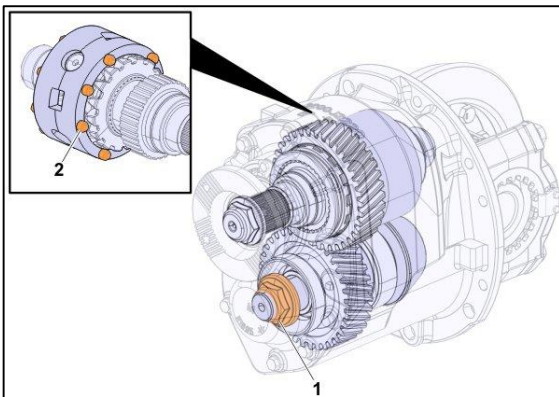
A. Bộ vi sai, vỏ cầu sau, vít và đai ốc	Trình tự siết: 1-14, 310 ±40 Nm
1. Trục vào, mặt bích kép, đai ốc	814 – 1,085 Nm
2. Trục vào, vỏ, vít	82 – 104 Nm
3. Bộ vi sai, đai ốc	75 ±5 Nm
4. Vỏ bộ chuyển, vít điều chỉnh, đai ốc khoá	48 – 68 Nm
5. Trục chuyển, vít điều chỉnh, đai ốc khoá	41 – 82 Nm
6. Vỏ bánh răng cùi thorn, vít	27 – 41 Nm



7. Vít chặn	203 – 258 Nm
8. Nút xả	48 – 61 Nm
9. Trục dẫn động, vít	157 ±9 Nm
10. Nút châm nhót	48 – 61 Nm
11. Trục ra, mặt bích, đai ốc	610 – 814 Nm
12. Trục ra, vòng cách, đai ốc	54 – 68 Nm

Bộ vi sai

1. Bộ vi sai, nắp ô trục, vít	570 – 746 Nm
2. Vỏ bộ vi sai, vỏ mặt bích, vít	244 – 298 Nm
3. Bánh răng vành chậu, vỏ mặt bích, đai ốc	265 – 353 Nm

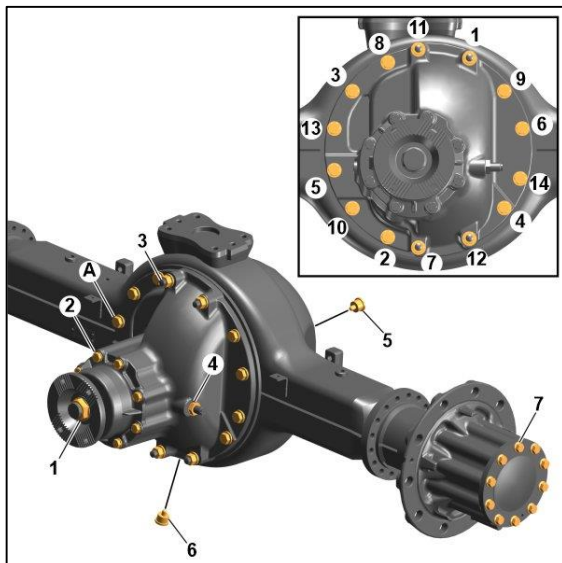
Bộ truyền chuyển động

1. Trục bánh răng cùi thorn, đai ốc	1,085 – 1,492 Nm
2. Vỏ bộ vi sai liên trục, đai ốc khoá	68 – 88 Nm

Cầu sau phía sau cùng

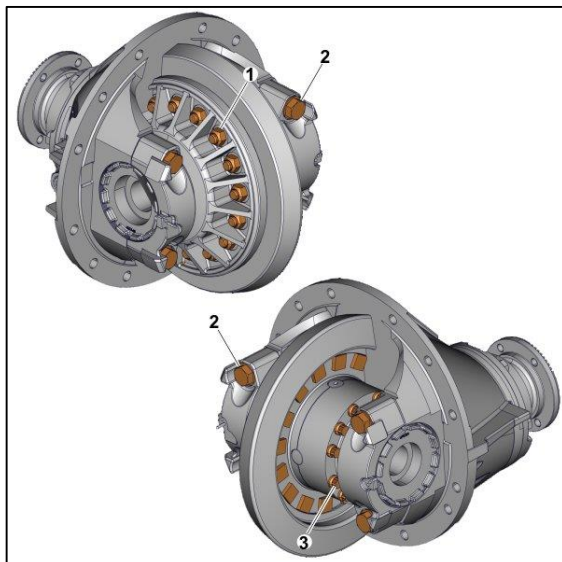
Thông số kỹ thuật	
Vòng bi bánh răng cùi thorn, lực ép	240.2 kN
Vòng bi bánh răng cùi thorn, tải trước	1.25 – 5.5 kg
Bánh răng vi sai, lực cân quay	68 Nm Lưu ý: Nếu mô-men xoắn lớn hơn 68 Nm, hãy kiểm tra và thay thế vỏ vi sai, chữ thập, bánh răng vi sai và vòng đệm đẩy nếu cần. Tham khảo hướng dẫn sửa chữa để biết thêm thông tin.
Bánh răng vành chậu, độ đảo	≤0.20 mm
Khe hở giữa bánh răng vành chậu và vít chặn	0.8 – 1.2 mm

Lực siết Vỏ cầu sau



A. Bộ vi sai, vỏ cầu, vít và đai ốc	Trình tự siết: 1-12, 310 ±40 Nm
1. Trục bánh răng cùi thorn, mặt bích kép, đai ốc	1,085 – 1,492 Nm
2. Ống bọc vòng bi bánh răng cùi thorn, vít	115 – 155 Nm
3. Bộ vi sai, vít cây	75 ±5 Nm
4. Vít chặn, đai ốc hãm	203 – 258 Nm
5. Nút bít châm nhót	48 – 61 Nm
6. Nút xả	48 – 61 Nm
7. Trục dẫn động, vít	157 ±9 Nm

Bộ vi sai



1. Bánh răng vành chậu, vỏ mặt bích, đai ốc	265 – 353 Nm
2. Bộ vi sai, nắp ổ trục, vít	570 – 746 Nm
3. Vỏ bộ vi sai, vỏ mặt bích, vít	244 – 298 Nm